

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

TỈNH BÌNH ĐỊNH
Bản án số: 71/2017/DSST
Ngày: 23/8/ 2017

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHƯỚC, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Tuyết Mai
2. Ông Nguyễn Văn Màu

Thư ký phiên tòa: Ông Tô Tấn Cường –Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh
BD.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh BD tham gia phiên tòa: Bà Lê
Thị Định – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh BD mở
phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2016/TLST-DS ngày 01 tháng
6 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra
xét xử số:998/2017/QĐST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện
Tuy Phước, Quyết định hoãn phiên tòa số: 1108/2017/QĐST-DS ngày 24 tháng 7
năm 2017; giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng N -Do ông Nguyễn Ngọc C –Giám đốc chi nhánh
huyện TP, tỉnh BD – Đại diện theo ủy quyền.

Địa chỉ: 18 T , phường M, huyện T, TP H.

Người đại diện hợp pháp Nguyên đơn: Ông Mai Văn P - Trưởng phòng Kế
hoạch Kinh doanh - Chi nhánh huyện TP (Văn bản ủy quyền ngày 17/5/2016).

Địa chỉ: 285 Đào Tấn, thị trấn T, huyện TP, tỉnh BD.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Linh D, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện TP, tỉnh BD.

3.Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1985; Bà Hà Thị V, sinh năm 1934

- Chị Huỳnh Thị T sinh năm 1971; Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1973

- Anh Huỳnh Quang T1, sinh năm 1985

Đồng trú: Thôn L, xã H, huyện TP, tỉnh BD

- Anh Huỳnh Quang K, sinh năm 1966; Chị Huỳnh Thị H, sinh năm 1975

Đồng trú tại: Thôn T, xã I, huyện CP, tỉnh GL

- Anh Huỳnh Quang T2, sinh năm 1979

- Anh Huỳnh Quang H, sinh 1970

Đồng trú tại: Thôn TA, xã I, huyện CP, tỉnh GL

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 5 năm 2016, bản tự khai tiếp theo và tại phiên tòa hôm nay đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng N do ông Mai Văn P đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngân hàng N, Chi Nhánh huyện TP có cho vợ chồng chị Nguyễn Thị Linh D và anh Nguyễn Thanh T ở thôn L, xã H, huyện TP vay số tiền 130.000.000đ, theo hợp đồng số 4302-LAV-201400050 ngày 07/01/2014, lãi suất là 11,7%/năm, lãi quá hạn là 150% lãi suất cho vay, thời hạn vay 24 tháng, mục đích vay chăn nuôi heo, hình thức bảo đảm tiền vay có tài sản thế chấp. Theo hợp đồng thế chấp số 03/2014/BĐTV ngày 04/01/2014 ông Huỳnh Văn B và bà Hà Thị V đã thế chấp nhà đất thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Thôn L, xã H, huyện TP để bảo đảm cho vợ chồng chị D vay khoản tiền trên. Đến hạn chị D và anh T không trả nợ nên Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng anh chị chỉ trả được 73.175.681đ trong đó trả lãi là 49.500.000đ và trả lãi là 23.675.681đ. Do vậy hiện nay chị D và anh T vẫn còn nợ gốc là 80.500.000đ và tiền lãi phát sinh tính đến ngày 23/8/2017 là 39.669.151đ. Nay Ngân hàng yêu cầu chị D và anh T phải trả cho Ngân hàng số nợ trên, trường hợp chị D, anh T không thanh toán nợ đề nghị Tòa cho Ngân hàng phát mãi tài sản thế chấp là nhà đất của ông Huỳnh Văn B và bà Hà Thị V để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn Nguyễn Thị Linh D vắng mặt nhưng có bản tự khai trình bày như sau: Chị D thừa nhận vào năm 2014 vợ chồng chị có vay của Ngân hàng N với số tiền là 130.0000.000đ để chăn nuôi heo, theo đó có thế chấp tài sản là ngôi nhà và đất của ông bà ngoại là Huỳnh Văn B và Hà Thị V tọa lạc ở Thôn Lục Lễ, xã H, huyện TP, tỉnh BD. Đến hạn trả nợ vay nhưng do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng chị chưa trả hết nợ cho Ngân hàng, tính đến nay chị đã trả được 23.083.125.000đ. Hiện còn nợ gốc là 130.000.000đ, lãi trong hạn là 13.308.000đ, lãi quá hạn là 2.788.000đ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả nợ thì vợ chồng chị đồng ý trả nhưng xin trả dần. Ngoài ra chị không khai và không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Hà Thị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có bản khai trình bày như sau; Bà là bà ngoại của D, vào năm nào bà không nhớ, vợ chồng bà có bảo lãnh cho vợ chồng D vay tiền và vợ chồng bà là Huỳnh Văn B và Hà Thị V có thế chấp nhà đất ở Thôn L, xã H cho Ngân hàng để D vay tiền làm ăn. Hiện nay chồng bà đã chết, còn 07 người con của bà với ông Huỳnh Văn B gồm: Huỳnh Quang K, Huỳnh Quang T1, Huỳnh Thị H, Huỳnh Quang M, đều ở GL, GL, còn Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị M và Huỳnh Quang T2 ở Lục Lễ, Phước Hiệp. Nay Ngân hàng yêu cầu vợ chồng D trả nợ vay nếu không trả được nợ sẽ yêu cầu bán tài sản nhà đất của bà để trả nợ thì bà không đồng ý, vì D và T vay thì phải trả nợ. Ngoài ra bà không khai và không yêu cầu gì khác.

Chị Huỳnh Thị T và Huỳnh Thị M, Huỳnh Quang T1, Huỳnh Quang T2 đều có bản trình bày như sau: Về quan hệ gia đình có cha là Huỳnh Văn B chết năm 2014, mẹ là Hà Thị V, cha mẹ có sinh 07 người con là Huỳnh Quang K, sinh năm 1966; Huỳnh Thị H, sinh năm 1975; ở Thôn T, xã I, huyện CP, tỉnh GL, Huỳnh Quang H (còn gọi là Huỳnh Quang M), sinh năm 1970, Huỳnh Quang T1 sinh năm 1979 ở ở Thôn TA, xã I, huyện CP, tỉnh GL Huỳnh Thị T, sinh năm 1971, Huỳnh Thị M, sinh năm 1973, Huỳnh Quang T2, sinh năm 1985; đồng trú ở Thôn L, xã H, huyện TP,

tỉnh BD; cha mẹ không có con riêng con nuôi nào khác. Việc vợ chồng Nguyễn Thị Linh D và Nguyễn Thanh T nợ tiền Ngân hàng thì phải chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng còn Ngân hàng đòi bán tài sản của cha mẹ họ là ông Huỳnh Văn B và bà Hà Thị V đã thế chấp bảo lãnh ở Ngân hàng để thu hồi nợ của D thì họ không đồng ý. Ngoài ra họ không khai và không yêu cầu gì khác.

Huỳnh Quang K, Huỳnh Quang H, Huỳnh Thị H có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt và có khai nhưng không đồng ý ký vào biên bản, mà tất cả đều khai như sau: Về quan hệ gia đình có cha là Huỳnh Văn B (chết năm 2014), mẹ là Hà Thị V, cha mẹ có sinh 07 người con như trên. Hiện nay cha mẹ có thế chấp nhà đất ở Thôn L, xã H, huyện TP cho vợ chồng Nguyễn Thị Linh D và Nguyễn Thanh T vay tiền Ngân hàng thì yêu cầu vợ chồng D trả nợ cho Ngân hàng và họ không đồng ý cho Ngân hàng bán tài sản mà cha mẹ họ thế chấp để thu hồi nợ .Ngoài ra họ không khai và không yêu cầu gì khác.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TP:*

-Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án: Hướng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463,466 BLDS năm 2015 xem xét giải quyết vụ án như sau: Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Linh D và Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ 120.196.151đ, trong đó nợ gốc là 80.500.000đ là tiền lãi tính đến ngày 23/8/2017 là 39.669.151đ. Trường hợp chị D, anh T không thanh toán nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu bán tài sản thế chấp để trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào các kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Về vụ án này Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị Nguyễn Thị Linh D và anh Nguyễn Thanh T ở Thôn L, xã H, huyện TP, tỉnh BD trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TP. Đối với bà Hà Thị V, Huỳnh Thị T, Nguyễn Thị Linh D, Nguyễn Thanh T đã được tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Riêng anh Huỳnh Quang K, Huỳnh Quang H, Huỳnh Thị H, Huỳnh Quang T1 và Huỳnh Quang T2 đều có đơn xin hòa giải xét xử vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của đại diện Ngân hàng N buộc chị Nguyễn Thị Linh D và Nguyễn Thanh T trả cho Ngân hàng số tiền vay còn nợ 120.196.151đ gồm nợ gốc là 80.500.000đ và lãi là 39.669.151đ theo hợp đồng tín dụng số 4302-LAV-201400050 ngày 07/01/2014; thì Hội đồng xét xử thấy rằng chị D thừa nhận vợ chồng chị có vay của Ngân hàng N số tiền là 130.000.000đ để làm ăn, thời gian đến hạn trả nợ chị D, anh T chỉ trả được một phần nợ gốc là 49.500.000đ và lãi 23.675.681đ nên vẫn còn nợ

số tiền trên, do vậy Ngân hàng yêu cầu vợ chồng chị D trả nợ là phù hợp với Điều 466 BLDS năm 2015 nên được chấp nhận.

[2] Ngoài ra Ngân hàng còn có yêu cầu đối với trường hợp chị D và anh T không thanh toán được nợ thì Ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để đảm bảo cho khoản vay trên là căn nhà và đất thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Thôn L, xã H, huyện TP, của ông Huỳnh Văn B và Hà Thị V, Hội đồng xét xử căn cứ hợp đồng thế chấp số 03/2014/BĐTV ngày 04/01/2014 giữa ông Huỳnh Văn B và bà Hà Thị V với Ngân hàng N đã được chứng thực và có đăng ký thế chấp tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã tuân thủ theo Điều 343, Điều 350 BLDS năm 2005. Do đó căn cứ vào Điều 4 của Hợp đồng thế chấp và Điều 299 BLDS năm 2015 chấp nhận yêu cầu trên của ngân hàng đối với việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[3] Đối với yêu cầu của bị đơn Nguyễn Thị Linh D công nhận nợ và xin trả dần nhưng đại diện Ngân hàng không đồng ý nên không thể thỏa mãn yêu cầu của chị.

[4] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm anh Nguyễn Thanh T cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày, bảo vệ quyền lợi cho mình nên Tòa không xét.

[5] Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm Huỳnh Quang K, Hà Thị V, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị H, Huỳnh Quang H, Huỳnh Quang T1, Huỳnh Quang T2 đều yêu cầu vợ chồng chị D trả nợ cho Ngân hàng và không đồng ý bán tài sản thế chấp trả nợ. Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Huỳnh Văn B và Hà Thị V đã tự nguyện thế chấp tài sản của mình để đảm bảo cho chị D và anh T vay tiền tại Ngân hàng, mà hợp đồng thế chấp tài sản phù hợp với quy định pháp luật nên không thể thỏa mãn yêu cầu những người nêu trên.

[6] Về tiền án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Thị Linh D và Nguyễn Thanh T cùng phải chịu 5% sung công quỹ nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết về án phí, lệ phí Tòa án. Hoàn lại 3.650.000đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001793, ngày 31/5/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuy Phước.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phước đề nghị phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự, Điều 466, Điều 299, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 Nghị Quyết về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

- Buộc vợ chồng chị Nguyễn Thị Linh D và anh Nguyễn Thanh T phải trả cho Ngân hàng N số tiền vay còn nợ 120.176.152đ trong đó nợ gốc là 80.500.000đ, nợ lãi trong hạn 29.439.638đ, nợ lãi quá hạn 10.236.514đ tính đến ngày 23/8/2017 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng.

Trường hợp chị D và anh T không thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay còn nợ trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện TP bán đấu giá tài

sản thế chấp là nhà đất thuộc thửa số 51, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Thôn L, xã H, huyện TP, của ông Huỳnh Văn B và Hà Thị V để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp số: 03/2014/BĐTV, ngày 04/01/2014 đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng số 4302-LAV-201400050 ngày 07/01/2014.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành. Nếu bên phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ đã tuyên thì bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng số: 4302-LAV-201400050 ngày 07/01/2014 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Về tiền án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị Linh D và anh Nguyễn Thanh T cùng phải chịu 6.008.800đ sung công quỹ nhà nước. Hoàn lại 3.650.000đ tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001793 ngày 31/5/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TP.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 23 tháng 8 năm 2017), Nguyễn Thị Linh D, Nguyễn Thanh T, Huỳnh Quang K, Hà Thị V, Huỳnh Thị M, Huỳnh Thị T, Huỳnh Thị H, Huỳnh Quang H, Huỳnh Quang T1, Huỳnh Quang T2 vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã nơi các đương sự cư trú hoặc nhận bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND H. TP;
- Các đương sự;
- Phòng GD KT TAND tỉnh BĐ;
- Chi cục Thi hành án dân sự H.TP;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Bích Thủy